

Bản án số: 60/2020/HS-ST  
Ngày: 08 - 7 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Gia Cát**

Bà **Lê Thị Hoàng Yên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông **Trương Quang Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Thị Kim N**, sinh năm 1983, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố 5 Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên buồng phòng; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; con ông Trần Văn P (chết) và bà Võ Thị Thanh T (sinh năm 1938); có chồng là Nguyễn Công V (sinh năm 1974); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Ông **G** (Quốc tịch Nga), sinh năm 1991; Nơi lưu trú tại Việt Nam: Khu nghỉ dưỡng P, Tổ dân phố 2 Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ thường trú: TP.B (Amur region of Russian) 188/5 O Str.

Nơi làm việc: Đại sứ quán Nga tại Indonesia: JLHR R, 1-2, Kav. X-7 K, thủ đô Jakarta, Indonesia. Vắng mặt tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Công V**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 5 Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Nguyễn Thị Khoa H**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1948; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường

N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xử vắng mặt.

5. Bà **Ngô Thị Phương D**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông **Phan Văn Đ** – Sinh năm 1970; nơi cư trú: 77 đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 4 phường N, quận T, thành phố Hà Nội; có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà **Cao Thị Thanh T**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 2 Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 07 giờ ngày 04/8/2019, Trần Thị Kim N (là nhân viên dọn dẹp phòng khu nghỉ dưỡng P ở tổ dân phố Đ, phường N, thị xã N) đến dọn phòng 27B của anh G (quốc tịch Nga) thuê lưu trú. Trong lúc dọn phòng, N thấy dưới chân giường có một giỏ xách màu xám đặt trên một cái ghế, quan sát trong phòng không có ai, N mở giỏ xách ra thì thấy có 01 bì thư màu trắng, bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 100 USD, N nhanh chóng lấy 10 tờ mệnh giá 100 USD bỏ vào túi quần rồi sau đó đi về nhà.

Ngày 05/8/2019, Trần Thị Kim N tiếp tục đến Khu nghỉ dưỡng để làm việc. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày N đem thức ăn lên phòng số 27B cho anh G, quan sát trong phòng không có ai, N đã mở giỏ xách lấy từ trong bì thư 19 tờ mệnh giá 100 USD bỏ vào túi quần rồi sau đó về nhà.

Ngày 06/8/2019, anh G phát hiện mất số tiền 2.900 USD nên trình báo cơ quan Công an. Qua điều tra, ngày 07/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa mời N lên làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Thị Kim N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Tang vật tạm giữ gồm 1.300 USD và 3.650.000 đồng.

Tại Công văn số 111/KHH-THNSKSNB ngày 05/02/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khánh Hòa xác định tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ áp dụng từ ngày 03/8/2019 đến ngày 09/8/2019 là 23.090 VNĐ/USD. Tổng trị giá 2.900 USD là 66.961.000 đồng.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKSKH-P1 ngày 10/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Thị Kim N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị Kim N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Kim N từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Phần dân sự: Bị hại đã được nhận lại 1000 USD. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại 1900 USD.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ 1.300 USD và 3.650.000 Việt Nam đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ

được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/8/2019, tại khu nghỉ dưỡng P ở tổ dân phố Đ, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Trần Thị Kim N lén lút chiếm đoạt của anh G lấy 10 tờ mệnh giá 100 USD. Đến ngày 05/8/2019, Trần Thị Kim N tiếp tục lén lút chiếm đoạt của anh G 19 tờ mệnh giá 100 USD. Tổng trị giá 2.900 USD là 66.961.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị Kim N có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cáo trạng số 27/CT-VKSKH-P1 ngày 10/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội lần thứ nhất, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội lần thứ hai, do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã nộp lại một phần tài sản và tích cực giúp cơ quan điều tra thu hồi lại tài sản đã chiếm đoạt trả lại cho bị hại để khắc phục hậu quả. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ 1.300 USD và 3.650.000 đồng. Xét thấy đây là tài sản có nguồn gốc từ việc bị cáo chiếm đoạt được của bị hại nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Phần dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được nhận lại tài sản 1000USD và hồ sơ vụ án thể hiện có yêu cầu nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất là 1900 USD. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại 1900 USD. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 1900 USD.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Công V, Phan Văn Đ, các bà Nguyễn Thị Khoa H, Võ Thị Thanh T, Trần Thị H, Ngô Thị Phương D vắng mặt tại phiên tòa, tách ra thành vụ kiện dân sự khác nếu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.193.550 đồng (1900USD X 23.090VNĐ) án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim N 02 (Hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tách ra thành vụ kiện dân sự khác nếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Công V, Phan Văn Đ, các bà Nguyễn Thị Khoa H, Võ Thị Thanh T, Trần Thị H, Ngô Thị Phương D có đơn yêu cầu.

Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Trần Thị Kim N phải bồi thường cho bị hại là ông G (Quốc tịch Nga), 1900USD.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tiếp tục tạm giữ 1.300 USD và 3.650.000 đồng, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Kim N phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.193.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT khác;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Tuấn**